

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
Tháng 04

1. **Tên nhiệm vụ:** Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Ngàn Trươi – Cẩm Trang, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. **Ngày quan trắc:** 26 – 27/4/2024

Ngày cung cấp TT: 28/4/2024

3. **Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	10	Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang	Cống đóng.
2	11	Đầu kênh chính	Cống mở.

4. **Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 15 vị trí chính thức

5. **Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. **Đơn vị nhận thông tin:** Cục Thủy lợi, Ban Quản lý Thủy lợi 3-4.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Thượng lưu hồ tầng mặt, Giữa hồ tầng mặt, Trước cửa xa TNI tầng mặt, Khu nuôi cá lồng tự phat (Cách bến thuyền 700m), Khu nuôi cá lồng I tầng mặt, Khu nuôi cá lồng II (khu mở rộng) tầng mặt, Đầu kênh chính, Cầu Ngàn Trươi, Khe Trươi phía thượng lưu nhà máy sắt.

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang, Kênh chính hạ lưu công điều tiết (gần trường TH Đức Bông).

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Khe Trươi phía hạ lưu nhà máy gỗ MDF

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp:

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Thượng lưu hồ tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt khu vực thượng lưu hồ Ngàn Trươi.	Trời nắng, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 72%, gió BTB 12 km/h. Dòng chảy chậm, nước màu xanh.	8.07	14.2	8.17	0.1	0.163	0.918	15	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn A cho phép
2	Thượng lưu hồ tầng đáy	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy khu vực thượng lưu hồ Ngàn Trươi.	Trời nắng, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 70%, gió BTB 12 km/h. Dòng chảy chậm, nước màu trắng đục.	6.46	23.6	0	0.1	0.715	0.459	20	Giá trị DO thấp ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.
3	Giữa hồ tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt khu vực giữa hồ	Trời nắng, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 70%, gió BTB 10 km/h.	7.63	11.1	8.57	0.1	0.124	0.281	15	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH,

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Ngàn Trươi.	Dòng chảy chậm, nước màu xanh.								ĐO đạt giới hạn A cho phép
4	Trước cửa xả TN1 tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy khu vực giữa hồ Ngàn Trươi.	Trời nắng, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 70%, gió BTB 10 km/h. Dòng chảy chậm. Nước màu xanh.	8.08	10.3	8.56	0.1	0.117	0.810	22	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn A cho phép
5	Trước cửa xả TN1 tầng giữa	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	Trời nắng, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 70%, gió BTB 10 km/h. Dòng chảy chậm, nước màu xanh lục.	5.9	11.6	0	0.1	0.559	0.297	17	Giá trị DO thấp ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.
6	Trước cửa xả TN1 tầng đáy	Đánh giá chất lượng nước tầng giữa hồ Ngàn Trươi	Trời nắng, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 70%, gió BTB 10 km/h.	6.28	35	0	0.1	0.715	0.403	24	Giá trị DO thấp ở tầng sâu – đặc tính của hồ

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		khu vực gần cửa xả TN1.	Dòng chảy chậm, nước màu trắng đục.								chứa.
7	Khu nuôi cá lồng tự phát (Cách bên thuyền 700m)	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	Trời nắng, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 70%, gió BTB 10 km/h. Không có dòng chảy, có 20 lồng cá, nuôi cá lăng, cá leo, cá chép, cá trắm, cá tầm. nước màu xanh.	7.99	14.9	8.38	0.1	0.148	0.673	15	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn A cho phép
8	Khu nuôi cá lồng I tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước khu nuôi thử cá lồng.	Trời nắng, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 70%, gió BTB 10 km/h. Không có dòng chảy, nước màu xanh.	7.51	12.2	8.26	0.1	0.101	0.576	15	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn A cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
9	Khu nuôi cá lồng II (khu mở rộng) tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước khu nuôi thừ cá lồng.	Trời nắng, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 70%, gió BTB 10 km/h. Không có dòng chảy. Có 10 lồng cá người dân nuôi cá lăng, cá leo, cá chép, cá trắm. Nước có mùi tanh, màu xanh.	8.03	10.4	8.49	0.1	0.140	0.698	15	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn A cho phép
10	Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang	Đánh giá chất lượng nước cấp cho nhà máy nước Vũ Quang.	Trời nóng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 66%, mật độ mây 90%, gió Nam 6 km/h. Không có dòng chảy, công đóng. Sát cửa lấy nước nhà máy đang xây dựng cầu Hốp Chuôi bắc qua sông	6.14	10.6	6.17	0.1	0.350	0.448	23	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, đạt giới hạn B cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn		
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6						
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5						
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4						
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
			Ngàn Trươi. Nước màu xanh lục.									
11	Đầu kênh chính	Đánh giá chất lượng nước đầu hệ thống trước khi cấp cho các mục đích dân sinh.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 100%, gió Nam 5 km/h. Dòng chảy chậm. cống mở xả lấy nước tươi về kênh chính. Nước màu xanh.	6.68	10.5	6.54	0.1	0.754	0.898	28	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn A cho phép	
12	Kênh chính hạ lưu cống điều tiết (gần trường TH Đức Bông)	Đánh giá chất lượng nước trên kênh chính hạ lưu cống đầu môi.	Trời oi bức, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 67%, mật độ mây 70%, gió ĐDB 4 km/h. Dòng chảy chậm, mực nước thấp.	6.15	11.3	7.1	0.1	0.396	0.293	17	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn B cho phép	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			nước màu xanh lục.								
13	Cầu Ngàn Trươi	Đánh giá chất lượng nước tại cầu Ngàn Trươi.	Trời nắng, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 53%, mật độ mây 74%, gió Bắc 14 km/h. Dòng chảy rất chậm, mực nước trung bình. Thủy điện đang xả nước. nước xanh trong	6.67	11.6	5.8	0.1	0.606	0.675	26	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn A cho phép
14	Khe Trươi phía thượng lưu nhà máy sắt	Đánh giá chất lượng nước Khe Trươi trước khi nhận nước thải hai nhà máy sắt và nhà máy gỗ.	Trời nắng, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 53%, mật độ mây 74%, gió Bắc 14 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước thấp. Nước xanh trong.	8.05	10.7	8.54	0.1	0.528	2.090	80	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn A cho phép
15	Khe	Đánh giá chất	Trời nắng, nhiệt độ	8.56	13.8	11.99	0.1	0.303	0.927	52	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Trươi phía hạ lưu nhà máy gỗ MDF	lượng nước Khe Trươi ngay sau khi nhận nước thải nhà máy gỗ.	36°C, độ ẩm 53%, mật độ mây 74%, gió Bắc 14 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Ngàn Trươi, mực nước trung bình. Có 1 cống xả từ nhà máy gỗ ra khe trươi. Nước xanh trong, có hiện tượng bị phú dưỡng.								Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, không đạt giới hạn B cho phép

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Ban Quản lý Thủy lợi 3;
- Ban Quản lý Thủy lợi 4;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN.MT.

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2024

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



HỒ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn